

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 03/7/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà:
Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ 5B, khu phố 2, phường MH, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết H, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ 5B, khu phố 2, phường MH, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

(Ông D có mặt, bà H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Quốc D trình bày: Ông D và bà H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã MH, huyện CT (nay là UBND phường MH, thị xã CT), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và bà H xài tiền hoang phí. Ông D đã nhiều lần khuyên ngăn và tha thứ nhưng bà H không thay đổi nên ông D không thể tiếp tục chung sống cùng bà H. Vợ chồng đã ly

thân từ năm 2023. Nay ông D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, ông D và bà H có 02 con chung là cháu Trần Phạm Khánh V, sinh ngày 30/11/2014 và cháu Trần Phạm Khánh L, sinh ngày 22/8/2017. Khi ly hôn, ông D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông D không yêu cầu bà Hạnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông D không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2024, bị đơn bà Phạm Thị Tuyết H trình bày: Bà H thống nhất với ông D về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Bà H và ông D đã ly thân từ năm 2023. Bà H nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông D đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên ông D yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà thống nhất quá trình chung sống bà và ông D có 02 con chung như ông D trình bày. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp bổ sung, tài liệu chứng cứ nào khác.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quốc D và bà Phạm Thị Tuyết H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Phạm Khánh V, sinh ngày 30/11/2014 và cháu Trần Phạm Khánh L, sinh ngày 22/8/2017 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc Duy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết H có nơi cư trú tại tổ 5B, khu phố 2, phường MH, thị xã CT, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc D về việc ly hôn với bà Phạm Thị Tuyết H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Trần Quốc D và bà Phạm Thị Tuyết H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CT (nay là Ủy ban nhân dân phường MH, thị xã CT), tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông D và bà H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà D và ông H thống nhất trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đã ly thân từ năm 2023. Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, ông D và bà H không gắn kết tình cảm vợ chồng và hiện nay ông D bà H thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông D và bà H.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc D về việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình chung sống, ông D và bà H có 02 con chung là cháu Trần Phạm Khánh V, sinh ngày 30/11/2014 và cháu Trần Phạm Khánh L, sinh ngày 22/8/2017. Xét thấy, ông D có công việc và thu nhập ổn định. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2024, bị đơn bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, yêu cầu của ông D về việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Quốc D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc D.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quốc D và bà Phạm Thị Tuyết H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là cháu Trần Phạm Khánh V, sinh ngày 30/11/2014 và cháu Trần Phạm Khánh L, sinh ngày 22/8/2017 cho ông Trần Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Quốc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu số 0004243 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND P. Minh Hưng-Chơn Thành-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Thư

